

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2024

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Đức
- Bà Nguyễn Thị An

- **Thư ký phiên Toà:** Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa:** Ông Lê Minh Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2024/TB-TLVA ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đầu Thị Quỳnh T, sinh năm 1971;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà C, ngõ B, đường T, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, đường C, tổ A, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bị đơn: Anh Tạ Quang T1, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Số nhà C, ngõ B, đường T, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, anh T1 đều có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 25/3/2024, cũng như tại bản tự khai, nguyên đơn chị Đầu Thị Quỳnh T trình bày: Chị và anh Tạ Quang T1 tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã T (nay là phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình) vào ngày 31/10/1992 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới cùng năm. Do thời gian đã lâu nên chị đã làm mất giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do sau thời gian dài chung sống, vợ chồng tôi không có con chung, tình cảm vợ chồng nhạt dần. Chị và anh T1 đã sống ly thân khoảng 10 năm nay, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Đến thời điểm hiện tại, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tạ Quang T1. Việc ly hôn tôi đã suy nghĩ kỹ và hòa toàn tự nguyện. Về con chung: Chị Đầu Thị Quỳnh T và anh Tạ Quang T1 đều trình bày: Anh chị không có con chung. Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Tạ Quang T1 trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị T đã trình bày là đúng. Anh khẳng định, anh và chị T có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nhưng hiện tại, giấy đăng ký kết hôn của anh và chị T đã thất lạc. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, do đó, chị T xin ly hôn anh, anh cũng đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Việc ly hôn anh đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

* Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T cung cấp: Hiện nay Ủy ban nhân dân phường T không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn năm 1992. UBND phường chỉ còn lưu trữ sổ bộ đăng ký kết hôn từ năm 1999 trở lại đây do đó chính quyền địa phương không có căn cứ xác định Chị Đầu Thị Quỳnh T và anh Tạ Quang T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T hay không.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án, tiếp nhận đơn khởi kiện và thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; tiếp nhận các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp; việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự; các biện pháp thu thập chứng cứ, thực hiện đúng thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ cho Thẩm phán giải quyết vụ án; nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng thông báo của Tòa

án; tuân thủ việc triệu tập đến Toà án làm việc trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đầu Thị Quỳnh T và anh Tạ Quang T1 là vợ chồng. Về quan hệ con chung: Không có con chung. Về quan hệ tài sản: Không phải giải quyết. Về án phí: Chị Đầu Thị Quỳnh T tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà.

- **Về thủ tục tố tụng:** Chị Đầu Thị Quỳnh T, anh Tạ Quang T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo trình tự vắng mặt các đương sự.

- **Về nội dung:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đầu Thị Quỳnh T và anh Tạ Quang T1 đều khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T (nay là phường T thành phố T, tỉnh Thái Bình) đăng ký kết hôn ngày 31.10.1992, chị T và anh T1 đều khai đã mất giấy đăng ký kết hôn, theo xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T không xác định được chị Đầu Thị Quỳnh T và anh Tạ Quang T1 có đăng ký kết hôn hay không. Do vậy không có căn cứ xác định chị Đầu Thị Quỳnh T và anh Tạ Quang T1 đã đăng ký kết hôn. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T1 không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, do đó, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tạ Quang T1. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT -TANDTC -VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Đầu Thị Quỳnh T và anh Tạ Quang T1 là vợ chồng.

[2]. Về quan hệ con chung: Không có con chung không phải giải quyết.

[3]. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T tự nguyện nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT -TANDTC -VKSNDTC – BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 277; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đầu Thị Quỳnh T và anh Tạ Quang T1 là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Không có con chung nên không phải giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị T và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đầu Thị Quỳnh T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0001432 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Chuyển số tiền chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng sang tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đầu Thị Quỳnh T, anh Tạ Quang T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh